There are no translations available.

Năm h□c 2012-2013 tr□□ng THPT Chuyên Khoa h□c T□ nhiên có 498 h□c sinh t□t nghi□p, và có 453 h□c sinh d□ thi 4 kh□i A, A1, B và D trong k□ thi tuy□n sinh Đ□i h□c 2013. Theo b□ng x□p h□ng c□a B□ Giáo d□c và Đào t□o v□ k□t qu□ thi Đ□i h□c năm 2013, tr□□ng THPT Chuyên KHTN v□i 785 l□□t thi và đ□t đi□m bình quân 22,20 x□p v□ trí th□ 7 trong danh sách 200 tr□□ng THPT có k□t qu□ cao nh□t trong c□ n□□c.Tr□□ng ta có 5 h□c sinh đ□ th□ khoa các tr□□ng Đ□i h□c, đó là :

- Phan Ng□c Minh l□p 12A2 Hóa th□ khoa kh□i A H□c vi□n Ngân Hàng (29 đi□m),
- Tr□n Minh Tâm l□p 12A2 Toán th□ khoa kh□i A tr□□ng Đ□i h□c Khoa h□c T□ nhiên (28 đi□m),
- Lê Ph□□ng Anh l□p 12A1 Toán th□ khoa kép kh□i A1 (25,5 đi□m) và kh□i D1 (27 đi□m) H□c vi□n Ngo□i giao,
- Nguy□n Th□ Ki□u Anh l□p 12A1 Toán đ□ng th□ khoa kh□i D1 H□c vi□n Ngo□i giao (27 đi□m)
- Nguy□n Th□ Ng□c Anh l□p 12A1 Toán đ□ng th□ khoa kh□i D1 tr□□ng Đ□i h□c Lu□t Hà N□i (26,5 đi□m).

Ngoài ra Nguy□n Ti□n Th□ng và Nguy□n Minh Dũng l□p 12A2 Toán là đ□ng Á khoa kh□i A tr□□ng Đ□i h□c Kinh t□ Qu□c dân (29 đi□m).

Toàn tr□□ng có 17 h□c sinh đ□t đi□m thi t□ 28 đ□n 29. Đ□c bi□t trong đó ph□i k□ đ□n Phan Ng□c Minh l□p 12A2 Hóa có đi□m thi kh□i A là 29,  kh□i B là 28,5 và Đ□ Văn Tâm l□p 12A2 Toán có đi□m thi c□ kh□i A, kh□i B đ□u là 28,5.

N□u tính t□ 27 đi□m tr□ lên, c□ tr□□ng có 51 h□c sinh; trong đó kh□i A là 35 h□c sinh, kh□i B là 19 h□c sinh và kh□i D1 là 2 h□c sinh (có 5 h□c sinh đ□t đi□m c□ 2 kh□i A và B đ□u t□ 27 đi□m tr□ lên).

Sau đây là top 20 tr□□ng THPT có đi□m thi Đ□i h□c cao nh□t c□ n□□c.

**STT**

**T nh / thành ph**

**Mã ŏ n v**

**Tên tr ng ph thông**

**L t d thi**

**ŎTB (Ex)**

1

TP H Chí Minh

2018

THPT NK ĐH KHTN

519

23,31

2

T nh Bình Ph c

43004

THPT Chuyên Quang Trung

198

23,19

3

T nh Hà Tĩnh

30040

THPT Chuyên Hà Tĩnh

319

22,55

4

TP Hà N i

1A037

THPT Chuyên ĐH SP HN

552

22,41

5

T nh Nam Đ nh

25002

THPT Lê H ng Phong

769

22,31

6

T nh Vĩnh Phúc

16012

THPT Chuyên Vĩnh Phúc

430

22,22

**7**

**TP Hà N i**

**1A045**

**THPT Chuyên KHTN ŎH QG HN**

**785**

**22,20**

8

TP Đà N ng

4005

THPT Chuyên Lê Quý Đôn

331

22,06

9

TP Hà N i

1A144

Chuyên ng ĐH NN Q. gia

581

22,00

10

T nh Bình Đ nh

37003

THPT chuyên Lê Quý Đôn

401

21,90

11

TP Hà N i

1A003

THPT Hà N i-Amstecdam

672

21,89

12

T nh H i D ng

21013

THPT Nguy n Trãi

453

21,70

13

T nh Thái Bình

26002

THPT Chuyên

819

21,60

14

T nh Đ ng Nai

48001

THPT Chuyên L ng Th Vinh

395

21,54

15

TP H Chí Minh

2015

THPT Lê H ng Phong

992

21,50

16

T nh Thanh Hóa

28118

THPT Chuyên Lam S n

453

21,41

17

T nh Khánh Hòa

41017

THPT chuyên Lê Quí Đôn

307

21,37

18

T nh Ngh An

29006

THPT Chuyên Phan B i Châu

536

21,27

19

T nh Th a Thiên-H u

33001

THPT Chuyên Qu c H c

729

21,24

20

TP Hà N i

1B162

| |
|---|
| THPT Chuyên Nguy□n Hu□ |

| |
|---|
| 820 |

| |
|---|
| 21,22 |

TS. Lê Công L□i (Phó Hi□u tr□□ng)